TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HS-ST
Ngày 27-11-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trương Anh Tuấn
Các Hội thẩm nhân dân: ông Sùng A Dinh và bà Lò Thị Dậu
- Thư ký phiên tòa: Bà Lò Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Điện Biên.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2023/TLST-HS ngày 03/11/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-HS ngày 16/11/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Thào A T -** Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 08/11/1976 tại huyện T, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: thôn S, xã S, huyện T, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Thào A P- Sinh năm 1957 (đã chết) và bà Chang Thị S- Sinh năm 1958 (đã chết); Vợ là Mùa Thị C- Sinh năm 1978 và có 03 con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị kết án.

Tạm giữ, tạm giam: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và cấm xuất cảnh từ ngày 10/10/2023 đến nay. Bị cáo có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự:* Uỷ ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Điện Biên. Người đại diện theo pháp luật: ông Giàng A T - Chức vụ: Chủ tịch UBND xã S, huyện T, tỉnh Điện Biên. Người đại diện theo ủy quyền: ông Sùng A K - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã S, huyện T, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: ông Thào A P- sinh ngày 15/01/1979; Trú tại: thôn S, xã S, huyện T, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Với mục đích để có đất làm nông nghiệp, bị cáo Thào A T hỏi mượn mảnh nương cũ của em trai là Thào A P để trồng ngô. Sau khi được P đồng ý, từ ngày 23/01/2023 đến 26/01/2023, bị cáo Tằng một mình mang theo 01 con dao phát đi từ nhà lên mảnh nương cũ đã nhiều năm bỏ hoang không làm của Thào A P, hiện cây đã mọc thành rừng thuộc địa phận thôn S, xã S, huyện T, tỉnh Điện Biên.

Đến nơi bị cáo dùng dao chặt, phát các loại cây gỗ, cây bụi trên mảnh đất trong thời gian 04 ngày thì phát xong.

Đến ngày 17/3/2023 ông Mùa A M là trưởng thôn S đi tuần tra rừng phát hiện sự việc bị cáo phá rừng làm nương nên đã báo cơ quan Kiểm lâm huyện để xem xét, giải quyết.

Tại biên bản kiểm tra hiện trường ngày 18/3/2023 do Hạt kiểm lâm huyện phối hợp với các cơ quan liên quan đã xác định được diện tích rừng bị phá là 4.466m^2, số cây bị chặt phá là 375 cây, khối lượng gỗ thiệt hại là 6,750 m^3 (gồm các nhóm gỗ IV, V, VII, VIII), củi tận thu là 4,592 m^3; Xem xét vị trí, sử dụng máy định vị GPS xác định tọa độ và đối chiếu bản đồ giao đất giao rừng, quyết định giao đất giao rừng, trích lục bản đồ địa chính xã S, xác định khu vực rừng do bị cáo Thào A T chặt phá thuộc lô 2b, khoảnh 15, tiểu khu 539 đã được quy hoạch rừng phòng hộ theo Quyết định số 1208/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh Điện Biên, Quyết định số 2810/QĐ-UBND ngày 06/11/2015 của UBND huyện T về giao rừng gắn với giao đất lâm nghiệp giao cho cộng đồng thôn M (nay là thôn S), xã S, huyện T quản lý, bảo vệ từ năm 2015 và hàng năm đều chi trả dịch vụ môi trường rừng.

Vật chứng thu giữ gồm: gồm 01 con dao phát (loại dao quắm) dài 87 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 35 cm, cán dao làm bằng gỗ hình trụ tròn, đường kính trung bình 03cm, dài 52 cm; Đối với số cây gỗ bị chặt phá Cơ quan điều tra đã bàn giao cho UBND xã S quản lý tại rừng.

Tại bản kết luận giám định số 68/KL ngày 28/9/2023 của Giám định viên tư pháp thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Điện Biên kết luận: diện tích bị chặt phá là 4.466 m^2, nằm trong tiểu khu 539 khoảnh 15 lô 2b là rừng tự nhiên thứ sinh gỗ núi đất lá rộng thường xanh nghèo kiệt (ký hiệu TXK), thuộc rừng phòng hộ được giao cho cộng đồng thôn Mảng Chiềng (nay là thôn S), xã S quản lý, bảo vệ.

Kết luận định giá tài sản số 22/KL-HĐĐGTS ngày 09/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: Giá thị trường tại thời điểm tháng 01/2023 của 4.466m^2 rừng phòng hộ tại tiểu khu 539 khoảnh 15 lô 2b là: gỗ nhóm IV,V,VII,VII có giá trị 6,750m^3 x 300.000 đồng = 2.025.000 đồng; củi tận thu là 4,592 ster x 100.000 đồng = 459.200 đồng; Tổng giá trị thiệt hại về gỗ và củi tận thu là 2.484.200 đồng; Không xác định được giá trị thiệt hại về tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng và thiệt hại về tác động môi trường rừng.

Nguyên đơn dân sự UBND xã S yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho nhà nước theo kết luận định giá tài sản là 2.484.200 đồng.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Thào A T khai nhận toàn bộ hành vi phá rừng của mình, mục đích bị cáo phá rừng là muốn có đất để trồng ngô, do bị cáo mượn đất nương cũ của em trai và không biết khu vực chặt phá làm nương là rừng phòng hộ. Quá trình giải quyết vụ án bị cáo đã nộp toàn bộ số tiền bồi thường 2.484.200 đồng theo yêu cầu của Nguyên đơn dân sự tại cơ quan thi hành án dân sự huyện T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Thào A P có lời khai phù hợp với lời khai của bị cáo về việc cho bị cáo mượn đất làm nương và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng không biết diện tích nương cũ đã được quy hoạch vào rừng phòng hộ.

Cáo trạng số 38/CT-VKSHTC ngày 03/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Thào A T về tội "Hủy hoại rừng" theo điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243, các điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Thào A T từ 02 năm đến 03 năm cải tạo không giam giữ về tội "Hủy hoại rừng"; Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; đề nghị công nhận bị cáo đã bồi thường xong số tiền gây thiệt hại về rừng cho nhà nước; Về vật chứng đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 con dao phát thu giữ của bị cáo và đề nghị miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

Tại phiên tòa đại diện Nguyên đơn dân sự chấp nhận việc bồi thường của bị cáo, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; Xét thấy người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã có lời khai tại Cơ quan điều tra và sự vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử, do đó Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa Bị cáo khai nhận hành vi một mình dùng dao phát để chặt, phá cây rừng trong thời gian 04 ngày với mục đích để có đất làm nông nghiệp; Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của đại diện nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các chứng cứ khác của vụ án như: Biên bản kiểm tra hiện trường, biên bản thu giữ vật chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết quả xác định khối lượng, nhóm gỗ, kết luận định giá tài sản, kết luật giám định loại rừng, bản đồ quy hoạch rừng, bản đồ giao đất, giao rừng, Quyết định giao đất, giao rừng, danh sách chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng...

Có đủ cơ sở kết luận, vì muốn có đất để làm nương nên từ ngày 23/01/2023 đến ngày 26/01/2023 bị cáo Thào A T đã một mình dùng dao phát để phá rừng trái phép tại lô 2b, khoảnh 15, tiểu khu 539 là khu vực rừng phòng hộ được giao cho cộng đồng thôn S, xã S quản lý, bảo vệ; Diện tích bị chặt phá là 4.466m^2, gây thiệt hại 375 cây gỗ thuộc các nhóm IV,V,VII,VIII có khối lượng 6,750 m^3 gỗ và củi tận thu 4,592m^3, tổng giá trị lâm sản bị thiệt hại theo định giá tài sản là 2.484.200 đồng.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã cố ý chặt phá rừng phòng hộ với diện tích 4.466m^2, hành vi phá rừng trái pháp luật của bị cáo đã phạm vào tội "Hủy hoại rừng", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm

sát truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Bị cáo không có tiền án, không có tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn về toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nên áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo đã tự nguyện nộp cho cơ quan Thi hành án dân sự số tiền 2.484.200 đồng để bồi thường toàn bộ thiệt hại, do đó cần áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, nguyên đơn dân sự UBND xã S cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, hội đồng xét xử thấy bị cáo phạm tội do thiếu hiểu biết, bị cáo cũng như người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Thào A P cho rằng mảnh nương cũ vẫn thuộc đất nông nghiệp sử dụng làm nương của anh P và không biết diện tích đất trên đã được quy hoạch vào đất rừng phòng hộ từ năm 2015, nên cần xem xét áp dụng cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 điều 51 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và do kém hiểu biết, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 của Bộ luật hình sự, nên thấy không cần thiết phải buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù, mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ và giao cho chính quyền địa phương cùng gia đình giám sát, giáo dục bị cáo cũng đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo ý thức chấp hành pháp luật, cũng như tại điều kiện để bị cáo sửa chữa lỗi lầm.

[4] Về khấu trừ một phần thu nhập và hình phạt bổ sung:

Xét thấy điều kiện hoàn cảnh gia đình của bị cáo khó khăn, làm nông nghiệp ruộng nương, điều kiện kinh tế không có, thu nhập không ổn định theo biên bản xác minh của Cơ quan điều tra, bị cáo không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung là phạt tiền, nên Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát miễn khấu trừ một phần thu nhập theo khoản 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự và không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo khoản 4 Điều 243 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[5] Về bồi thường dân sự:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Bị cáo đã giao nộp số tiền 2.484.200 đồng cho cơ quan Thi hành án dân sự để bồi thường cho nhà nước theo yêu cầu của nguyên đơn dân sự, tại phiên tòa nguyên đơn dân sự đồng ý và không có yêu cầu gì thêm, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận bị cáo đã bồi thường xong thiệt hại theo quy định tại khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 587, 589 của Bộ luật dân sự.

[7] Về vật chứng vụ án:

Đối với 01 con dao phát thu giữ là công cụ phạm tội, là tài sản không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy theo điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự .

Đối với các cây gỗ tạp bị cáo chặt phá thuộc các nhóm gỗ IV, V, VII, VIII hiện đang giữ nguyên trên diện tích rừng bị chặt phá do UBND xã S đang quản lý, xét các cây gỗ chưa có giá trị để sử dụng làm gỗ thương mại nên cần để lại đám nương cho tự hủy hoại để bồi bổ đất, tái sinh rừng.

[8] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nên cần miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch cho bị cáo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[6] Kiến nghị:

Qua các vụ án về tội hủy hoại rừng đã xét xử thấy rằng: nhiều hộ dân tại các thôn, bản trên địa bàn huyện vẫn chưa nắm rõ các vị trí, khu vực được quy hoạch vào rừng phòng hộ, Hội đồng xét xử kiến nghị UBND huyện chỉ đạo UBND các xã và Hạt kiểm lâm huyện tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về công tác quản lý, bảo vệ rừng; nhất là triển khai, thông báo các khu vực mới được quy hoạch vào diện tích rừng để người dân nắm rõ; Đồng thời, xem xét lắp đặt các biển báo hiệu ranh giới khu vực thuộc đất rừng phòng hộ để người dân biết và phân biệt được giữa các khu vực đã được quy hoạch rừng và khu vực đất nông nghiệp sử dụng làm nương để phòng tránh vi phạm pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự:

1. Tuyên bố: Bị cáo Thào A T phạm tội "Hủy hoại rừng".

2. Hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Thào A T 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã S, huyện T, tỉnh Điện Biên nhận được quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo; Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện T và gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Trong trường hợp người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

Áp dụng điểm d khoản 1 điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự: hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và cấm xuất cảnh đối với bị cáo.

3. Về bồi thường dân sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 587, 589 của Bộ luật dân sự: Công nhận bị cáo Thào A T đã bồi thường xong toàn bộ số tiền gây thiệt hại cho nhà nước 2.484.200 đồng *(hai triệu bốn trăm tám mươi tư nghìn hai trăm đồng)*.

(Số tiền trên cơ quan thi hành án dân sự đang quản lý theo biên lai thu tiền số 0001909 ngày 23/11/2023 của cơ quan Thi hành án dân sự huyện T)

4. Về vật chứng vụ án:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao phát thu giữ của bị cáo.

Vật chứng trên cơ quan Thi hành án dân sự huyện T đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

5. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch cho bị cáo.

6. Kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án, Nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo Bản án về phần bồi thường thiệt hại trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/11/2023). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư Pháp tỉnh Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện T;
- Bộ phận hồ sơ NV- CA huyện T;
- Cơ quan CSĐT- CA huyện T;
- Cơ quan THAHS huyện, tỉnh;
- THADS huyện T;
- Bị cáo; Nguyên đơn dân sự;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu: HSVA, HSTHA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Anh Tuấn